

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐHTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+P3	7:25	6+15	0+0		5+17	0+0	
2		P10+P4	7:25	2+20	0+0		0+22	0+0	
3		MRRM+TD5	7:25	8+13	0+0		0+22	0+0	
4		AMD+TD3	9:25	6+14	0+0		0+22	0+0	
5		P7+P1	9:25	14+6	0+0		12+10	0+0	
6		AMD+HST	9:25	18+3	0+0		18+4	0+0	
7		MRRM+KNT	9:25	4+12	0+0		6+13	0+0	puma
8		P9+P5	11:25	2+17	0+0		2+20	0+0	
9		AMD	11:25	20	0		22	0	
10		P4+P1	11:25	7+11	0+0		7+15	0+0	
11		KNT+P11	11:25	13+0	0+0		15+4	0+0	puma

TTBBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P1 - P3	CREW: DUONG - NPHU - TU	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3805	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LE HUY TAM	P1	90	1	3			55	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN XUAN LANH	P1	89	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH VAN THANG	P1	85	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐĂNG QUANG	P1	87	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÔNG VĂN THỊNH	P1	88	1	8			87	KH-THAC	Vietnamese
6	DUONG HOANG HIEU	P1	86	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MẠNH CƯỜNG	P3				2	25	66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	P3	78	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH SONG HAI	P3	76-77	2	16			60	YTE	Vietnamese
10	CHAU ĐÌNH TỰ	P3	69	1	4			73	KH-THAC	Vietnamese
11	LAM TUAN KHAI	P3	82	1	4			61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	P3	80	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC VINH	P3	79	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG NAM HAI	P3	74	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TAM THUY	P3	71	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO HUU PHUOC	P3	75	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC LUONG	P3	73	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ HOÀI NAM	P3	81	1	9			66	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN THU TRANG	P3	70	1	9			76	PSV	Vietnamese
20	PHẠM MINH TUẤN	P3	85	1	14			63	PSV	Vietnamese
21	VŨ NGỌC HÙNG	P3	72	1	9			59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P1	6	424	6	35	0	0	5		
2	P3	15	1.043	15	104	2	25	17		
TOTAL		21	1.467	21	139	2	25	22		
WEIGHT KG			1.467		139		25			

GRAND TOAL: 1.631 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P10 - P4	CREW: HUNG - HTRUNG - THANH	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3808	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN XUAN KHOA	P10	94-95	2	20	2	30	69	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐO HỒNG VÂN	P10	91-92	2	10	1	15	70	XAYLAP	Vietnamese
3	MARZIEV M.	P4	26	1	7			82	KH-THAC	Russian
4	PODYMOV D.	P4	25	1	8			140	KH-THAC	Russian
5	TRINH VIET THANG	P4	14	1	13	1	33	83	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG NGOC TRUONG	P4	11	1	14			81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HOANG	P4	13	1	3			92	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU SY	P4	15	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	22-23	2	15			53	KH-THAC	Vietnamese
10	LAM VAN PHUC	P4	19	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
11	LE NGOC THANG	P4	10	1	6	2	24	83	KH-THAC	Vietnamese
12	LE HONG PHONG	P4	24	1	8			82	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TAM	P4	16	1	10			65	YTE	Vietnamese
14	NGUYEN VAN THUONG	P4	20	1	3			75	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI TIEN THANH	P4	12	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG KHAC DU	P4	29	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN CU	P4						59	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THANH HAI	P4	28	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG THE ANH	P4						72	KH-THAC	Vietnamese
20	LAM XUAN HAI	P4	17	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUNG BAY	P4	18	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANH HAI	P4	27	1	4			60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P10	2	139	4	30	3	45	0		
2	P4	20	1.511	19	140	3	57	22		
TOTAL		22	1.650	23	170	6	102	22		
WEIGHT KG			1.650		170		102			

GRAND TOAL: 1.922 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

LÊ QUÝ HUNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO:MRM - TD5	CREW: VTHẮNG - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03	VNHS FLIGHT: TM25/3811		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	ĐỖ HOÀI NAM	MRM	29-30	2	15			64	KHOAN	Vietnamese
2	PHAN NGỌC TIẾN	MRM	32	1	10			60	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	MRM	33	1	6	1	16	63	DMC-MI	Vietnamese
4	DMITRII KONDRATOV	MRM	37	1	9			116	HALLIBUR	Russian
5	LÊ VĂN NGHĨA	MRM	31	1	9			74	HALLIBUR	Vietnamese
6	TRAN HUA TUAN	MRM	38	1	8	1	15	62	HALLIBUR	Vietnamese
7	HERMAN HASAN LAKAMPO	MRM	28	1	11			70	HALLIBUR	Indonesian
8	MELNIKOV ALEKSANDR	MRM	35-36	2	16			84	AMNGR	Russian
9	DAVYDOV DANIIL	TD5	68	1	7	4	80	69	KHOAN	Russian
10	CHUSH MAKSIM	TD5	71	1	6			100	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	72	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
12	ĐINH VĂN SỰ	TD5						82	KHOAN	Vietnamese
13	VI HUNG CUƠNG	TD5	97	1	4			73	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN CHI QUY	TD5	65-66	2	8			72	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU VĂN MẠNH	TD5	69	1	5			58	KHOAN	Vietnamese
16	HÀ VĂN PHÚC	TD5	63-64	2	8			78	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TRỌNG NGHĨA	TD5	98	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HOÀNG LINH	TD5	70	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ THÈ CÔNG	TD5	73-74	2	15			76	KHOAN	Vietnamese
20	ĐÀO XUÂN THỌ	TD5	67	1	7			68	PSV	Vietnamese
21	TRAN VIET PHUONG	TD5	99,900	2	12			69	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	8	593	10	84	2	31	0		
2	TD5	13	964	16	91	4	80	22		
TOTAL		21	1.557	26	175	6	111	22		
WEIGHT KG			1.557		175		111			

GRAND TOAL: 1.843 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
B.CARD: CAM-2	TO:AMD - TD3	CREW: DUƠNG - NPHÚ - TÚ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3806	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRINH BICH NGOC	AMD	65-66	2	12			65	TLJOC	Vietnamese
2	LÊ QUANG VIỆT	AMD	62	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH CÁN	AMD	64	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN NHÂN	AMD	67	1	11			79	PSV	Vietnamese
5	PHẠM VĂN AN	AMD	61	1	10			67	HLJOC	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	63	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
7	ARUSHANOV SERGEI	TD3	62	1	18			120	KHOAN	Russian
8	HOANG VĂN THƯƠNG	TD3	63	1	7			75	KHOAN	Vietnamese
9	BUI HUU VUNG	TD3	66	1	6			91	KHOAN	Vietnamese
10	LUU VAN SON	TD3	55	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN KIEM	TD3	52	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	53-54	2	12			92	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	58	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
14	VŨ TOÀN THẮNG	TD3	61	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN HAI NAM	TD3				4	65	70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN MINH THẮNG	TD3	57	1	3			127	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM TIÊN CHUNG	TD3	59-60	2	6			96	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD3	56	1	10			73	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ TRÁ	TD3	64-65	2	17			67	SCHLUMBE	Vietnamese
20	ĐO XUAN CHINH	TD3	67-68	2	13			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	6	413	7	62	0	0	0		
2	TD3	14	1.152	17	116	4	65	22		
TOTAL		20	1.565	24	178	4	65	22		
WEIGHT KG			1.565		178		65			

GRAND TOAL: 1.808 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG
ĐÀO NGỌC PHÚ





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO: P7 - P1	CREW: HUNG - HTRUNG - THANH	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3809	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI THE DIEN	P7	62	1	6			69	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HOAI THANH	P7	63	1	8			60	YTE	Vietnamese
3	PHAM NGOC SON	P7						76	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH TRONG	P7	55	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN ANH DUC	P7	60	1	9			92	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN TIEN HIEP	P7	61	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI CONG LAN	P7						68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRINH VAN PHUONG	P7						78	KH-THAC	Vietnamese
9	LAM DANG GIANG	P7	59	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
10	LUU NGUYEN QUOC HUY	P7	58	1	3			100	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DAN	P7	52	1	9			68	BIEN DONG	Vietnamese
12	VU ANH MINH	P7	56	1	12	1	9	78	T-TIN	Vietnamese
13	DAO TUAN CHU	P7	51	1	11			65	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN TUAN	P7	53-54	2	12			61	BIEN DONG	Vietnamese
15	NGUYEN KHANH DUY	P1	22	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
16	VI KHAC KHANH	P1	23	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
17	LE QUANG TIEN	P1	18	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN LINH	P1	19	1	11			60	YTE	Vietnamese
19	NGO HOANG NAM	P1	21	1	13			77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN THUONG	P1	20	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	14	1.019	12	85	1	9	12		
2	P1	6	417	6	42	0	0	10		
TOTAL		20	1.436	18	127	1	9	22		
WEIGHT KG			1.436		127		9			

GRAND TOAL: 1.572 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THÚY ANH

CREW

LÊ QUÝ HUNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO:AMD - HST	CREW: VTHẮNG - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3812	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRƯƠNG THẾ HIỆN	AMD	42	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐOÀN TẤN TRI	AMD	54	1	7			60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	57	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM ANH NGŨ	AMD	53	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
5	YA LỘC	AMD	48-49	2	10			66	KH-THAC	Vietnamese
6	CHU HỮU CHINH	AMD	44	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HIẾU THẢO	AMD	43	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
8	MANG CHÂU TRIỆU	AMD	38-39	2	10	2	29	80	ESTEC	Vietnamese
9	VƯƠNG HOÀNG LINH	AMD	36-37	2	11			67	ESTEC	Vietnamese
10	NGUYỄN LAM HỮU THIÊN	AMD	40-41	2	10			102	ESTEC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	45-46	2	20			69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VIỆT THẮNG	AMD	52	1	8			69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	47	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	50-51	2	20			83	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM THẾ LONG	AMD	55-56	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	35	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HUYNH CƯỜNG	AMD	58-59	2	20			73	CODIEN	Vietnamese
18	ĐẶNG QUANG LỘC	AMD	60	1	12			61	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HST	23	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HST	24	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	HST	25	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	18	1.259	26	183	2	29	18		
2	HST	3	218	3	20	0	0	4		
TOTAL		21	1.477	29	203	2	29	22		
WEIGHT KG			1.477		203		29			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 09:30
B.CARD: XANH-2	TO:MRM - KNT	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 11:30
VSP FLIGHT: 07		VNHS FLIGHT: TM25/3814	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NIGMATZIANOV ILFAT	MRM	39-40	2	12			83	AMNGR	Russian
2	LE DINH MINH	MRM	35	1	13			62	HALLIBUR	Vietnamese
3	DO CONG CHIEN	MRM	41-42	2	15			76	HALLIBUR	Vietnamese
4	SOMPORN ARDTAS	MRM	36	1	2	2	24	88	SCHLUMBE	Thailand
5	TRẦN ĐỨC CƯỜNG	KNT	89-90	2	11			67	PVDO	Vietnamese
6	PHẠM THANH TUNG	KNT	99	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
7	VUÔNG KIẾN QUỐC	KNT	20	1	10			78	DVL	Vietnamese
8	ĐÀO VĂN YẾN	KNT	86	1	12			63	DVL	Vietnamese
9	SATHIASEALLAN LETCHEIMANAN	KNT	39-40	2	20			82	DMC-MI	Malaysian
10	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	KNT	87	1	12	1	12	89	HALLIBUR	Vietnamese
11	HOÀNG TRỌNG CHỨC	KNT	85	1	7			73	PVD DD	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN PHÚC	KNT	94	1	9			80	PVD DD	Vietnamese
13	LÊ VĂN TUNG	KNT	93	1	6			57	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN CHI HIỆU	KNT	95-96	2	14			71	PSV	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG DŨNG	KNT	97-98	2	14			88	PSV	Vietnamese
16	TRẦN HOÀNG TUNG	KNT	91-92	2	12			75	THANH LỢI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	4	309	6	42	2	24	6		
2	KNT	12	893	17	135	1	12	13		
TOTAL		16	1.202	23	177	3	36	19		
WEIGHT KG			1.202		177		36			

GRAND TOAL: 1.415 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: P9 - P5	CREW: LINH - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/3807	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BOGDAN IONUT TACHE	P9	13	1	5	1	19	144	NOVOMET	Romania
2	KUSHENKO N.	P9	11-12	2	14			73	KH-THAC	Russian
3	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P5	53	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P5	63-64	2	6			62	YTE	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HUYỀN	P5	46-47	2	10			63	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔNG XUÂN SINH	P5	52	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P5	62	1	4			84	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	54	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG VĂN THANH	P5	45	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	57	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	P5	51	1	7			75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VIỆT LONG	P5	61	1	13			113	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN MẠNH	P5	48	1	11			68	DVL	Vietnamese
14	VŨ DUY CƯỜNG	P5	49-50	2	18			82	DVL	Vietnamese
15	NGUYỄN HUỆ	P5	58	1	5			53	T-TIN	Vietnamese
16	LÊ VĂN LỘC	P5	59-60	2	20			59	T-TIN	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC HUY	P5	55	1	13	1	11	64	T-TIN	Vietnamese
18	ĐOÀN ANH PHƯƠNG	P5	44	1	3			65	PSV	Vietnamese
19	ĐÀO XUÂN THANH	P5	65	1	3			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	2	217	3	19	1	19	2		
2	P5	17	1.204	21	138	1	11	20		
TOTAL		19	1.421	24	157	2	30	22		
WEIGHT KG			1.421		157		30			

GRAND TOAL: 1.608 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐỖ THỊ HẢI YẾN

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:15
B.CARD: CAM-3	TO:AMD	CREW: XHOÀN - SON - THỤ	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/3810	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN VĂN LÊM	AMD	07	1	11			68	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC BIỂU	AMD	04	1	10			61	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	01	1	14			77	CODIEN	Vietnamese
4	HOANG ĐỨC HAI	AMD	05-06	2	16			68	CODIEN	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	AMD	02-03	2	14			67	CODIEN	Vietnamese
6	PHẠM TUẤN THANH	AMD	25	1	4			77	PSV	Vietnamese
7	TRẦN HỮU QUYNH	AMD	10	1	8	1	16	61	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	AMD	27-28	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HAI LINH	AMD	08	1	13			68	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN BAO	AMD	31-32	2	17			75	XAYLAP	Vietnamese
11	MAI THANH TỰ	AMD	29-30	2	16			61	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN KHẮC PHI	AMD	23-24	2	13			67	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG HÙNG	AMD	26	1	15			60	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN VIỆT HÙNG	AMD	20	1	10	1	10	80	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI XUAN QUANG	AMD	18	1	10	1	10	77	XAYLAP	Vietnamese
16	VU ĐÌNH HÙNG	AMD	16	1	8	1	17	63	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐẶNG SỸ AN	AMD	22	1	8	1	14	70	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN ĐÌNH HÙNG	AMD	12	1	9	1	15	72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH THAI	AMD	13-14	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	19	1.325	26	230	6	82	22		
TOTAL		19	1.325	26	230	6	82	22		
WEIGHT KG			1.325		230		82			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN
PHẠM THÁI SƠN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:20
B.CARD: VANG-3	TO: P4 - P1	CREW: VTHẮNG - MTHAO - DTÙNG	ETA: 14:10
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3813	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN THANH NAM	P4	01-02	2	11			75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM LÊ DƯƠNG	P4						83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU THANH	P4						68	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HOANG PHỤNG	P4	04	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
5	HA XUÂN QUY	P4	06	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	03	1	2			74	PSV	Vietnamese
7	LÊ CÔNG MINH	P4	05	1	6			110	PSV	Vietnamese
8	HỒ HỮU CHUNG	P1	59	1	4			50	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LUẬN	P1	27	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG DUY KHƯƠNG	P1	28	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHÂN	P1	57	1	5			125	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	60	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
13	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P1	24	1	6			55	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	25	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ MINH HIẾU	P1	26	1	11			71	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VĂN HẢO	P1	29	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH BÌNH	P1	58	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	P1	61-62	2	5			79	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	7	550	6	35	0	0	7		
2	P1	11	794	12	65	0	0	15		
TOTAL		18	1.344	18	100	0	0	22		
WEIGHT KG			1.344		100		0			

GRAND TOAL: 1.444 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN THẮNG

MAI VĂN THAO



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 12:00
B.CARD: NAU-3	TO:KNT - P11	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3815	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ANH	KNT	41	1	8			62	PVDO	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐẠT	KNT	42	1	6			56	PVDO	Vietnamese
3	TRẦN VĂN THÊU	KNT	52	1	5			79	PVDO	Vietnamese
4	ĐINH VĂN TÀI	KNT	48	1	8			54	PVDO	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	KNT	43	1	6			70	PVDO	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	KNT	44	1	6			56	PVDO	Vietnamese
7	BUI VĂN TUẤN	KNT	51	1	5			72	PVDO	Vietnamese
8	NGUYỄN VŨ QUANG ANH	KNT	49	1	5			75	PVDO	Vietnamese
9	LY A BÌNH	KNT	50	1	4			60	PVDO	Vietnamese
10	ĐINH DUY LONG	KNT	53-54	2	16			62	PVDWS	Vietnamese
11	HOANG TÙNG	KNT	47	1	13			64	PVDWS	Vietnamese
12	HA VĂN THO	KNT	55-56	2	9			67	THANH LỢI	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH KIẾT	KNT	45-46	2	18			73	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	KNT	13	850	16	109	0	0	15		
2	P11	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		13	850	16	109	0	0	19		
WEIGHT KG			850		109		0			

GRAND TOAL: 959 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HỒNG HÀ

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH